|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH****LĨNH VỰC GIA ĐÌNH**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Trang** |
| 01 | Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã | 2-6 |
| 02 | Huỷ bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị | 7-9 |
|  | Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND tỉnh Phú Yên về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Gia đình, Thư viện thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên | Tiếp theo |

 |

1. **Thủ tục Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã**

*a)Trình tự thực hiện:*

- Người bị bạo lực gia đình, người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (trường hợp địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình ban hành quyết định cấm tiếp xúc khi thấy hành vi bạo lực gia đình gây tổn hại hoặc đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe hoặc đe dọa tính mạng của người bị bạo lực gia đình.

- Việc đề nghị cấm tiếp xúc có thể được thực hiện thông qua hình thức trực tiếp hoặc bưu chính hoặc điện tử. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đề nghị thì gửi đơn theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 76 tới Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã (trường hợp địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã thì gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) và phải được sự đồng ý của người bị bạo lực gia đình, người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình.

 - Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được đề nghị cấm tiếp xúc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) phải xem xét quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc (có thể trực tiếp hoặc phân công cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xác minh thông tin). Trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

 - Công chức Văn hóa - xã hội hoặc Trưởng cơ quan chuyên môn về văn hóa, thể thao và du lịch cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã sẽ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định cấm tiếp xúc theo mẫu số 07 của phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 76.

 - Quyết định này sẽ được gửi cho những cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan để thực hiện.

*b) Cách thức thực hiện:*

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.phuyen.gov.vn>.

- Qua dịch vụ bưu chính công ích.

 *c) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:* Đơn đề nghị về việc cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) (Mẫu số 06 Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ).

*d) Thời hạn giải quyết:*12 giờ, kể từ khi Chủ tịch UBND cấp xã nhận được đề nghị cấm tiếp xúc

 *đ) Đối tượng thực hiện TTHC:* Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

 *e) Cơ quan thực hiện TTHC:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

 *g) Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định về việc cấm tiếp xúc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân (Mẫu số 07 Nghị định 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ)

 *h) Phí, lệ phí:* Không quy định.

 *i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 07 Nghị định 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ

 *k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:* Không yêu cầu.

*l) Căn cứ pháp lý của TTHC:*

- Luật phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022;

- Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

# Mẫu số 07

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN....--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số:       /QĐ-UBND | *..., ngày... tháng... năm...* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấm tiếp xúc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân**

(*Cấm lần...*)

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN.........**

*(Trường hợp địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã thì ghi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện)*

*Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 14 tháng 11 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;*

*Căn cứ đề nghị của (cơ quan/tổ chức/cá nhân)... về việc đề nghị cấm tiếp xúc;*

*Theo đề nghị của công chức Văn hóa - xã hội (Trưởng cơ quan chuyên môn về văn hóa, thể thao và du lịch cấp huyện đề nghị với trường hợp địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấm ông/bà (*người có hành vi bạo lực gia đình*)... tiếp xúc với ông/bà (*người bị bạo lực gia đình*)....

1. Thông tin về ông/bà (*người có hành vi bạo lực gia đình)*................................

a) Căn cước công dân1[[20]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-dinh-76-2023-ND-CP-huong-dan-Luat-Phong-chong-bao-luc-gia-dinh-557470.aspx%22%20%5Cl%20%22_ftn20%22%20%5Co%20%22) (*đối với công dân Việt Nam*)/số hộ chiếu2[[21]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-dinh-76-2023-ND-CP-huong-dan-Luat-Phong-chong-bao-luc-gia-dinh-557470.aspx%22%20%5Cl%20%22_ftn21%22%20%5Co%20%22) *(đối với người nước ngoài)*.......................................................................................................

Ngày cấp...................................... Nơi cấp............................................................

Quốc tịch:..............................................................................................................

b) Hành vi bạo lực gia đình đã thực hiện:.............................................................

...............................................................................................................................

2. Thông tin về ông/bà (*người bị bạo lực gia đình*)..............................................

Căn cước công dân1[[22]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-dinh-76-2023-ND-CP-huong-dan-Luat-Phong-chong-bao-luc-gia-dinh-557470.aspx%22%20%5Cl%20%22_ftn22%22%20%5Co%20%22) (*đối với công dân Việt Nam*)/số hộ chiếu2[[23]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-dinh-76-2023-ND-CP-huong-dan-Luat-Phong-chong-bao-luc-gia-dinh-557470.aspx%22%20%5Cl%20%22_ftn23%22%20%5Co%20%22)*(đối với người nước ngoài)*.................................................................................................................

Ngày cấp.............................................. Nơi cấp....................................................

Quốc tịch:..............................................................................................................

3. Thời gian cấm tiếp xúc

Thời gian cấm tiếp xúc *(không quá 03 ngày)...*ngày được tính từ khi ông/bà (*người có hành vi bạo lực gia đình*)... nhận được Quyết định này.

**Điều 2.**Một số quy định đối với ông/bà (*người có hành vi bạo lực gia đình*)

1. Phải chấp hành sự giám sát trong thời gian thực hiện cấm tiếp xúc.

2. Được tiếp xúc với ông/bà (*người bị bạo lực gia đình*)... trong thời gian cấm tiếp xúc theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 18 Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Bị áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính để ngăn chặn bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình khi vi phạm quyết định cấm tiếp xúc.

**Điều 3.**Một số quy định đối với ông/bà (*người bị bạo lực gia đình/người giám hộ/người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình*)..........

1. Khi phát hiện ông/bà(*người có hành vi bạo lực gia đình*)... đến gần người bị bạo lực gia đình trong phạm vi 100m mà không có tường ngăn, vách ngăn kiên cố hoặc không đến gần nhưng sử dụng điện thoại hoặc các phương tiện, công cụ để thực hiện hành vi bạo lực gia đình thì phải báo ngay cho Trưởng Công an (*trường hợp địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã thì ghi Trưởng Công an cấp huyện*)... theo số điện thoại... hoặc người được phân công giám sát việc thực hiện cấm tiếp xúc để được bảo vệ.

2. Được đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân... tiếp tục cấm tiếp xúc khi hết thời gian thực hiện quyết định cấm tiếp xúc hoặc hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc.

3. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

**Điều 4.**Quyết định có hiệu lực kể từ khi người được phân công giám sát việc thực hiện cấm tiếp xúc giao quyết định cho người bị cấm tiếp xúc.

**Điều 5.**Quyết định này được:

1. Giao cho ông/bà... là Trưởng Công an và ông/bà được Trưởng công an phân công thực hiện giám sát việc cấm tiếp xúc theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình để thực hiện;

2. Giao cho ông/bà *(người có hành vi bạo lực gia đình)*... để thực hiện;

3. Giao cho ông/bà *(người bị bạo lực gia đình/người giám hộ/người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình)*... để thực hiện;

4. Gửi cho ông/bà... *Trưởng thôn/Tổ trưởng Tổ dân phố* để phối hợp thực hiện giám sát;

5. Gửi cho ông/bà... (*đại diện tổ chức có liên quan đến người có hành vi bạo lực gia đình và người bị bạo lực gia đình ở cơ sở*) để phối hợp thực hiện giám sát*.*

**Điều 6.** Công chức Văn hóa - xã hội *(Trưởng cơ quan chuyên môn về văn hóa, thể thao và du lịch cấp huyện với trường hợp địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã);* công chức Văn phòng - thống kê (*Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện với trường hợp địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã)* và các ông, bà có tên tại Điều 5 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 6;- Lưu: VT... | **CHỦ TỊCH***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

<***In ở mặt sau***>

Xác nhận

(\*\*) Quyết định cấm tiếp xúc được ông/bà (*người phân công giám sát việc thực hiện cấm tiếp xúc*)... giao trực tiếp cho ông/bà (*người bị cấm tiếp xúc*)....

Thời gian thực hiện quyết định cấm tiếp xúc bắt đầu từ.... giờ... phút, ngày... tháng... năm... đến... giờ... phút... ngày... tháng... năm..../.

|  |  |
| --- | --- |
|  **NGƯỜI GIAO QUYẾT ĐỊNH***(Ký, ghi rõ họ và tên)* | **NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH***(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**2. Thủ tục Huỷ bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị**

*a)Trình tự thực hiện:*

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị ra quyết định cấm tiếp xúc hoặc người bị bạo lực gia đình, người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình không đồng ý với quyết định cấm tiếp xúc gửi đơn đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) đã ra quyết định cấm tiếp xúc để đề nghị hủy bỏ quyết định này theo Mẫu số 10 của phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 76.

 - Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được đề nghị hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) sẽ quyết định hủy bỏ hay không hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc. Trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Công chức Văn hóa - Xã hội hoặc Trưởng cơ quan chuyên môn về văn hóa, thể thao và du lịch cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã sẽ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc theo mẫu số 11 của phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 76.

*b) Cách thức thực hiện:*

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.phuyen.gov.vn>.

- Qua dịch vụ bưu chính công ích.

*c) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:* Đơn đề nghị về việc hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc (Nghị định 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ).

 - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

 *d) Thời hạn giải quyết:*12 giờ, kể từ khi Chủ tịch UBND cấp xã nhận được đề nghị cấm tiếp xúc

 *đ) Đối tượng thực hiện TTHC:* Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

 *e) Cơ quan thực hiện TTHC:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

 *g) Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định về việc hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc (Mẫu số 11 Nghị định 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ)

 *h) Phí, lệ phí:* Không quy định.

 *i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 10 Nghị định 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ

 *k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:* Không yêu cầu.

*l) Căn cứ pháp lý của TTHC:*

- Luật phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022;

- Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

**Mẫu số 10**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------------**

**ĐỀ NGHỊ**

**Về việc hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân..................

*(Trường hợp địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã*

*thì gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện )*

*Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 14 tháng 11 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;*

*Căn cứ Quyết định số.../QĐ-UBND ngày... tháng... năm... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân..... về việc cấm tiếp xúc (ghi theo tên Quyết định);*

(*Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân)*... đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân... hủy bỏ Quyết định số.../QĐ-UBND ngày... tháng... năm... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân... về việc cấm tiếp xúc *(ghi theo tên Quyết định)*.

 Lý do đề nghị:......................................................................................................

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN/TỔ CHỨC/
CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ***(Ký, ghi rõ họ tên)*